

Bản án số: 09/2021/HS-ST
Ngày: 16/3/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Thanh Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Sương.
2. Ông Nguyễn Xuân Nam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Thạch Văn Ổn - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 07/2021/TLST-HS ngày 02 tháng 02 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2021/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 3 năm 2021 đối với *bị cáo*:

Lê Văn T (Ba Gà), sinh ngày 01 tháng 01 năm 2000, tại Tiền Giang; nơi cư trú: khu phố 5, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: lớp 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Văn K và bà: Ngô Thị Mười H; vợ, con: chưa có; tiền án: không; tiền sự: 01 lần (bị Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quyết định số 27/2019/QĐ/TA ngày 09/5/2019); bị bắt, tạm giữ từ ngày 25/10/2020, tạm giam từ ngày 28/10/2020, “có mặt”.

- Người làm chứng: Chị Ngô Thị Mười H, sinh năm 1982; nơi cư trú: khu phố 5, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang “có mặt”.

- Người chứng kiến:

1. Anh Trần Trọng N, sinh năm 1992; nơi cư trú: khu phố 2, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang “xin vắng mặt”.

2. Anh Trần Minh T, sinh năm 1992; nơi cư trú: khu phố 4, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang “xin vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Nội dung chính của vụ án:

Khoảng 16 giờ 20 phút ngày 25/10/2020, Công an thị trấn V, huyện G tuần tra phát hiện bị cáo Lê Văn T đang đi bộ trên đường Nguyễn Hữu Trí thuộc khu phố 3, thị trấn V có biểu hiện sử dụng trái phép chất ma túy nên mời về làm việc. Tại trụ sở Công an thị trấn V, lực lượng Công an tiến hành kiểm tra thì phát hiện trong túi quần bên trái phía trước của bị cáo đang mặc có 08 gói nylon được hàn kín bên trong chứa tinh thể màu trắng nghi là ma túy nên tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ tang vật như sau:

- 01 túi nylon trong suốt, kích thước (7 x 5,2) cm;
- 08 gói nylon hàn kín bên trong chứa tinh thể màu trắng;
- 01 cây kéo bằng kim loại dài 10,3 cm;

- 01 điện thoại di động hiệu OPPO A52, màu đen số IMEI1 860354045269073, số IMEI2 860354045269965, sim điện thoại số 0981146097 và số tiền 571.000 đồng. Qua xác minh điện thoại và tiền trên không liên quan đến vụ án, nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho mẹ ruột bị cáo (do bị cáo yêu cầu).

Căn cứ kết luận giám định số 210 ngày 28/10/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tiền Giang kết luận: Các mẫu tinh thể màu trắng trong 08 gói nylon màu trắng được hàn kín, để trong một bì thư được niêm phong (ký hiệu M1) có các chữ ký ghi họ tên: Lê Văn T, Lê Minh M, Nguyễn Tấn Thân V gửi giám định là ma túy, có khối lượng là 0,9085gam, loại Methamphetamine.

Hoàn lại đối tượng giám định: Các mẫu tinh thể màu trắng còn lại sau giám định có khối lượng là 0,8560 gam, được niêm phong trong 01 bì thư ký hiệu vụ số 210.

Quá trình điều tra bị cáo khai nhận khoảng 11 giờ 30 phút ngày 24/10/2020, bị cáo điện thoại cho một người bạn tên Bôi ở thành phố Hồ Chí Minh (không rõ địa chỉ cụ thể) mua giùm 09 gói nylon hàn kín bên trong chứa ma túy đá với số tiền 1.500.000 đồng để sử dụng. Sau khi nhận được số ma túy trên, bị cáo đến ngôi nhà bỏ hoang gần nhà bị cáo sử dụng 01 gói; còn 08 gói cất vào túi quần bên trái phía trước bị cáo đang mặc, sau đó bị bắt quả tang.

2. Truy tố:

Bản cáo trạng số 09/CT-VKSGCT ngày 02/02/2021 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây truy tố bị cáo Lê Văn T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về trách nhiệm hình sự: Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Văn T từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy, thời gian chấp hành án tính từ ngày tạm giữ.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự. Tịch thu và tiêu hủy mẫu tinh thể màu trắng còn lại sau giám định có khối lượng là 0,8560 gam; 01 túi nylon trong suốt, kích thước (7 x 5,2) cm và 01 cây kéo bằng kim loại dài 10,3 cm.

- Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng; bị cáo nhận thức, hối hận với hành vi sai trái của mình và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Trong suốt quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, các văn bản được tổng đạt hợp lệ và đầy đủ theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự. Những người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng.

Những người chứng kiến gồm anh Trần Trọng N, anh Trần Minh T xin vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, lời khai đã đầy đủ và có trong hồ sơ vụ án. Việc vắng mặt trên không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hành vi bị truy tố và tội danh :

Tại phiên tòa cũng như quá trình điều tra bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với cáo trạng, vật chứng, lời khai của những người tham gia tố tụng khác và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

- Khoảng 16 giờ 20 phút ngày 25/10/2020 tại trụ sở Công an thị trấn V, huyện G phát hiện bị cáo Lê Văn T cất giấu trong túi quần bên trái phía trước 08 gói nylon được hàn kín bên trong chứa tinh thể màu trắng. Theo kết luận giám định số 210 ngày 28/10/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tiền Giang kết luận: Các mẫu tinh thể màu trắng trong 08 gói nylon màu trắng được hàn kín gửi giám định đều là ma túy, có tổng khối lượng là 0,9085gam, loại Methamphetamine.

- Về tội danh: Tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

c) Heroin, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;”.

Từ căn cứ trên, xác định bị cáo Lê Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Như vậy, Bản cáo trạng số 09/CT-VKSGCT ngày 02/02/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây và kết luận của đại diện Viện kiểm sát đề nghị truy tố bị cáo về tội tàng trữ trái phép chất ma túy theo điều khoản tương ứng nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về các tình tiết liên quan đến việc quyết định hình phạt:

- Xét tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội và lỗi: Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự; hoàn toàn nhận thức được ma túy là chất gây nghiện do nhà nước độc quyền quản lý và nghiêm cấm các hoạt động sản xuất, tàng trữ, mua bán, vận chuyển trái phép. Nhưng vì ý thức xem thường pháp luật và để thỏa mãn cơn nghiện của bản thân nên bị cáo vẫn cố tình thực hiện, bất chấp hậu quả. Hành vi của bị cáo T là nghiêm trọng, đã xâm phạm trực tiếp đến việc độc quyền quản lý của nhà nước về chất ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Đồng thời, ma túy còn là chất gây nghiện nguy hiểm, không chỉ làm suy kiệt về kinh tế, sức khỏe của người nghiện mà còn có thể làm hạn chế hoặc mất khả năng điều khiển hành vi của người nghiện; là mầm mống lan truyền các căn bệnh xã hội; là nguyên nhân phát sinh nhiều loại tội phạm nguy hiểm khác.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận bản thân nghiện ma túy thời gian dài từ năm 2018 đến nay, đã bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc nhưng vẫn không từ bỏ được. Bị cáo vừa được ra khỏi cơ sở cai nghiện ma túy ngày 04/6/2020 thì đến ngày 25/10/2020 bị cáo lại phạm tội liên quan đến ma túy. Do vậy cần có mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo và cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm giáo dục, răn đe, phòng ngừa chung và tạo điều kiện để bị cáo có thời gian cai nghiện được ma túy.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[4] Về hình phạt bổ sung:

Khoản 5 Điều 249 của Bộ luật hình sự quy định: *“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”.* Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai tại phiên tòa cho thấy bị cáo là người nghiện ma túy, phạm tội không có tính chất vụ

lợi; bị cáo không có nghề nghiệp, không có tài sản có giá trị lớn. Do vậy, Hội đồng xét xử thống nhất không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng:

Các mẫu tinh thể màu trắng còn lại sau giám định có khối lượng là 0,8560 gam, được niêm phong trong 01 bì thư ký hiệu vụ số 210 là chất thuộc loại cấm tàng trữ, lưu hành; 01 túi nylon trong suốt, kích thước (7 x 5,2) cm, 01 cây kéo bằng kim loại dài 10,3 cm là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu và tiêu hủy theo quy định các điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và các điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[6] Các vấn đề khác:

Đối với người tên Bôi mua giùm ma túy cho bị cáo; do bị cáo T không biết địa chỉ cụ thể nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh xử lý sau là có cơ sở.

[7] Về án phí:

Bị cáo bị kết tội và không thuộc trường hợp không phải nộp án phí nên bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về phần trình bày của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt: Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Lê Văn T 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ (ngày 25/10/2020).

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ các điểm a, c khoản 1 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; các điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự.

Tịch thu và tiêu hủy:

+ Mẫu tinh thể màu trắng còn lại sau giám định có khối lượng là 0,8560 gam, được niêm phong trong 01 bì thư ký hiệu vụ số 210.

+ 01 (một) túi nylon trong suốt, kích thước (7 x 5,2) cm.

+ 01 (một) cây kéo bằng kim loại dài 10,3 cm được niêm phong trong bì thư có các chữ ký của Lê Minh M, Nguyễn Tấn Thân V, Lê Văn T.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Gò Công Tây và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây ngày 01/3/2021).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Lê Văn T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Lê Văn T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo, bị hại;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh TG;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện GCT;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện GCT;
- Chi Cục Thi hành án dân sự huyện GCT;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thanh Phú